TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2022
"*V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Mộng T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hướng và bà Nguyễn Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Diệu Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 32/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã Bình Thành, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Trương Hữu D,** sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã Bình Thành, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Hữu D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thành, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 10/4/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 11 năm 2018 đến nay. Nay chị thấy đời sống chung không thể

kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu không còn tình cảm yêu thương nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là Trương Ngọc Phương T, sinh ngày 19/3/2007 và Trương Ngọc N, sinh ngày 21/5/2012. Hiện cả hai con đang ở với chị, học tập và sinh hoạt ổn định nên chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 cháu đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh Trương Hữu D cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị đang buôn bán tại địa phương, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, anh Trương Hữu D: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự;

Về tố tụng: Anh D là bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T, anh D đã quá trầm trọng, hai bên không còn sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2018 đến nay, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung: Hiện nay 02 cháu đang ở với chị T, cuộc sống ổn định, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao 02 cháu T và Uyên cho chị T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không xem xét. Án phí ly hôn chị T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Trương Hữu D có địa chỉ tại thôn T, xã Bình Thành, thị xã Hương Trà nay có tranh chấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh D vắng mặt lần hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Hữu D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/4/2006, đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân này là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống hạnh phúc được một thời gian xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh D thường xuyên ăn nhậu về nhà chửi bới nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 11 năm 2018 đến nay mà không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Điều này chứng tỏ hôn nhân của anh chị thực sự không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai bên đã kéo dài và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại tình cảm của chị T đối với anh D không còn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh D cố tình trốn tránh, không hợp tác mặc dù đã biết được việc chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh D vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng, xem như bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình và từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình trước Tòa án.

Kết quả xác minh tại UBND xã Bình Thành từ địa phương nơi cư trú của bị đơn, xác định giữa chị T và anh D có xảy ra mâu thuẫn. Nay chị T có đơn yêu cầu ly hôn với anh D thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

Vợ chồng có 02 người con chung tên là Trương Ngọc Phương T, sinh ngày 19/3/2007 và Trương Ngọc N, sinh ngày 21/5/2012. Hiện nay cả 02 cháu đang ở với chị T, cuộc sống ổn định, nên giao 02 cháu T và Uyên cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là hợp lý. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Xử: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trương Hữu D.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Trương Ngọc Phương T, sinh ngày 19/3/2007 và Trương Ngọc N, sinh ngày 21/5/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, giao dục, nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu lần lượt đủ 18 tuổi; anh D không cấp dưỡng cho con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001384 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên không phải nộp thêm.

Nguyên đơn có quyền kháng kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- Chi cục THADS TX. Hương Trà;
- UBND xã/ phường;
- Các đương sự;
- Lưu dán;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Mộng T